|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  **TRƯỜNG THPT NGUYỄN HIỀN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2020* |

**QUY ĐỊNH**

**VỀ THỰC HIỆN NỘI QUY VÀ XỬ LÝ VI PHẠM HỌC SINH**

**Năm học 2020 – 2021**

**I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

- Chấp hành nghiêm chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Thực hiện đúng Điều lệ trường THPT.

- Thực hiện tốt Nội qui và Quy định của trường THPT Nguyễn Hiền.

**1. Học tập - Chuyên cần:**

- Dụng cụ, tài liệu học tập phải đầy đủ; soạn bài, làm bài, học thuộc bài khi đến lớp.

- Không nói chuyện và làm việc riêng trong giờ học. Chăm chú nghe thầy cô giảng bài và tích cực phát biểu xây dựng bài.

* Học sinh nghỉ học phải xin phép theo quy định của nhà trường.

**2. Nề nếp – Kỷ luật:**

**-** Học sinh có mặt tại lớp chậm nhất:

**+ Buổi sáng: 6 giờ 55’ *(tiết 1 bắt đầu từ 07giờ00)*.**

**+Buổi chiều: 13 giờ 25’ *(tiết 1 bắt đầu từ 13giờ30’)*.**

- Học sinh không được ra cổng khi đã vào trường (trừ trường hợp có giấy của phòng giám thị).

- Khi có trống báo hiệu vào tiết học, học sinh phải ổn định xong chỗ ngồi trong lớp.

- Khi đến các phòng chức năng (Phòng vi tính, phòng thí nghiệm,…) để học, học sinh phải xếp thành hai hàng, di chuyển và có mặt tại phòng trước khi trống báo vào tiết học.

- Vào giờ ra chơi, học sinh không được đùa giỡn quá mức gây nguy hiểm cho bản thân và các bạn.

- Khi ra về, học sinh phải di chuyển trật tự, không chen lấn, đùa giỡn.

- Học sinh không được đi vào khu vực hành lang phòng làm việc của Ban Giám hiệu, Phòng Giáo viên.

- Học sinh phải tham gia các hoạt động tập thể của nhà trường, của Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, của lớp và công tác xã hội.

**3. Đồng phục – Tác phong:** Khi đến trường, học sinh phải mặc đồng phục theo quy định.

* 1. ***Đồng phục học sinh NAM:***
* Áo sơmi trắng có một túi ngực, có logo của trường in trên tay áo, có phù hiệu trường may hẳn vào áo nơi ngực trái, có cravat, áo bỏ vào quần.
* Quần tây màu xanh dương, không mặc các loại quần ống túm, may kiểu ôm sát người. Dây thắt lưng màu đen hoặc nâu, không dùng loại dây thắt lưng có kiểu không phù hợp với học sinh.
* Đi giày kiểu bata hoặc sandal có quai hậu bản to.

*Lưu ý: Không tự ý sửa lại đồng phục.*

* 1. ***Đồng phục học sinh NỮ:***
* Ngày thứ hai và các ngày lễ: bộ áo dài truyền thống màu trắng có gắn phù hiệu, có áo lá màu trắng mặc lót trong (loại áo lá dài, bỏ vào quần); chỉ mặc đồ lót màu trắng; giày sandal có quai hậu bản to hoặc giày bít cao không quá 5 cm.
* Các ngày còn lại trong tuần (sáng, chiều): mặc đồng phục váy (gấu váy cao không quá đầu gối), áo theo mẫu của nhà trường; đi giày bata, giày bít đế thấp hoặc giày sandal có quai hậu bản to.

*Lưu ý: Không tự ý sửa lại đồng phục.*

* 1. ***Đồng phục thể dục:***
* Học sinh mặc đồng phục thể dục theo quy định của nhà trường: áo bỏ vào quần, đi giày kiểu bata.
* Học sinh mặc đồng phục thể dục khi:

+ Có tiết học Thể dục – Quốc phòng.

+ Tham gia các buổi học tập, sinh hoạt khác theo yêu cầu của nhà trường.

1. **Cặp sách:** Tất cả học sinh nam, nữ đều dùng loại cặp cho học sinh phổ thông hoặc mang ba lô theo mẫu của nhà trường.
2. **Đầu tóc, thân thể:**

* Học sinh *không được*: nhuộm tóc, xịt keo; để móng tay dài; sơn móng tay, móng chân; xăm mình; vòng đeo tay không phù hợp (các vòng hạt quá to, có hình thù kì dị,...); không trang điểm. Học sinh *chỉ để tóc đen* (ngoại trừ trường hợp đặc biệt).
* Học sinh nam:

+ Không đeo bông tai.

+ Không để râu.

+ Đầu tóc gọn gàng, không để tóc dài và kiểu tóc đuôi chuột, không để ngôi giữa, không húi trọc và không cắt các kiểu không phù hợp với học sinh (như cắt trắng hai bên mang tai, để bờm ở giữa, cắt trắng các đường ở trên đỉnh đầu, lấy phần tóc dài che phần tóc ngắn, …).

* Học sinh nữ: chỉ được đeo một bông tai mỗi bên.

**6. Vệ sinh môi trường sư phạm:**

- Học sinh chỉ được sử dụng nhà vệ sinh dành cho học sinh.

- Cuối mỗi buổi học, các lớp tự làm vệ sinh lớp học và hành lang xung quanh lớp.

- Không ăn trong phòng học; không mang và không uống nước có màu, có đường ở hành lang, trong phòng học, trong hội trường. Đối với học sinh có nhu cầu uống sữa trong giờ học, lớp học *vì lí do sức khỏe*, *bệnh* thì phải đăng kí với GVCN. Sau khi uống sữa xong, học sinh phải gói vỏ hộp sữa lại, sau đó mang xuống bỏ vào thùng rác ở sân trường, không được bỏ vào thùng rác trong phòng học. Học sinh phải chịu trách nhiệm trước lớp về tình hình vệ sinh của lớp có liên quan đến việc uống sữa của mình.

- Hai tuần tổng vệ sinh lớp 01 lần (vào tuần thứ nhất và tuần thứ ba của tháng). Cụ thể: Khối 10: sau tiết 5 - sáng thứ 5; Khối 11: sau tiết 5 - sáng thứ 3; Khối 12: sau tiết 5 - sáng thứ 7.

- Không được ăn kẹo cao su trong trường.

- Trong nhà vệ sinh: Giữ gìn vệ sinh chung, bảo quản thiết bị vệ sinh, không đùa giỡn.

- Giữ vệ sinh lớp, hành lang, cầu thang, khuôn viên trường học và những nơi công cộng.

- Học sinh không được hút thuốc lá, uống rượu, bia,…

- Người sau cùng trước khi ra khỏi phòng học phải tắt tất cả các thiết bị điện (nếu không còn sử dụng lớp nữa).

- Trong tiết học, học sinh phải để sách vở các môn học khác, điện thoại di động trong tủ, trong balô. Các tủ phải có khóa. Khóa do học sinh trong lớp tự trang bị theo một kiểu thống nhất **(kích thước 2x3 cm).**

- Không được tự ý nhân bản chìa khóa phòng học.

- Không hái hoa, bứt lá, bẻ cây trong trường.

- Tiết kiệm điện, nước và giữ gìn tài sản, cơ sở vật chất của nhà trường.

**II. XỬ LÝ**

1. **Xử lý chung:**

* Nếu học sinh không chuẩn bị bài, không thuộc bài đến lần thứ 4: GVCN mời họp cha mẹ học sinh (người đỡ đầu), hạ 01 bậc hạnh kiểm tháng (tính liên tục trong một học kỳ).
* Nếu học sinh không chuẩn bị bài, không thuộc bài đến lần thứ 7: GVCN đưa học sinh ra Hội đồng kỷ luật (tính liên tục trong một học kỳ).
* Nếu học sinh không chuẩn bị bài, không thuộc bài của một môn đến lần thứ 3: GVBM mời họp cha mẹ học sinh (người đỡ đầu) (tính liên tục trong một học kỳ).
* Nếu học sinh nghỉ học, cha mẹ học sinh (người đỡ đầu) mang CMND, phiếu xin phép đến Phòng Giám thị xin phép, chậm nhất ba ngày sau khi học sinh đi học trở lại. Trường hợp học sinh nghỉ học nhiều ngày phải có giấy tờ chứng minh lý do nghỉ học.
* Nếu nghỉ học không phép 01 ngày/tháng sẽ bị hạ 01 bậc hạnh kiểm tháng đó.
* Nếu nghỉ học không phép từ 02 ngày/ HK sẽ không xếp hạnh kiểm loại Tốt cuối Học kỳ.

1. **Cách tính điểm:**

***2.1. Phần điểm thưởng:***

- Học sinh phát hiện và báo cáo chính xác, kịp thời:

+ Các vụ mâu thuẫn, chuẩn bị đánh nhau.

+ Các trường hợp hút thuốc, sử dụng, tàng trữ ma túy hoặc các văn hóa phẩm xấu.

- Nhặt của rơi nộp cho Phòng Giám thị để trả lại cho người mất.

\* ***Lưu ý:*** Tùy theo từng trường hợp cụ thể mà học sinh được cộng từ 5 điểm đến 10 điểm.

***2.2. Phần điểm trừ:***

*2.2.1. Điểm trừ học sinh vi phạm:*

**Về học tập – chuyên cần:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Điểm trừ** |
| 1. Không chuẩn bị dụng cụ học tập, soạn bài, làm bài; không chú ý nghe giảng | 5đ/lần |
| 1. Không thuộc bài | 5đ/lần |
| 1. Một buổi nghỉ học không phép | 10đ/lần |
| 1. Bỏ tiết, trốn tiết học | 10đ/lần+ LĐVS |
| 1. Nghỉ học có phép (lý do chính đáng như bệnh có giấy bác sĩ, nhà có việc quan trọng...) | 0đ |

**Về nề nếp - kỷ luật:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Điểm trừ** |
| 1. Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể giáo viên, nhân viên nhà trường, người khác và học sinh khác ( Điều 41.4/Điều lệ trường Phổ thông) | 20đ/lần + HĐKL |
| 1. Lưu hành, sử dụng các ấn phẩm độc hại, đồi trụy, đưa thông tin không lành mạnh lên mạng. Dùng mạng xã hội để đăng tải các thông tin có mục đích xuyên tạc, nói xấu nhà trường, thầy cô, bạn bè, … | 15đ/lần + HĐKL |
| 1. Không nghiêm túc trong giờ chào cờ, trong các buổi lễ hoặc sinh hoạt tập thể (nói chuyện, rời khỏi hàng,….) | 5đ/lần + LĐVS |
| 1. Trễ đầu giờ | 3đ/lần |
| 1. Trễ tiết học | 5đ/lần |
| 1. Vi phạm kỷ luật giờ học | 5đ/lần |
| 1. Gian lận trong học tập, kiểm tra tại lớp | 10đ/lần |
| 1. Đánh bài, cá cược, hút thuốc, uống rượu bia, sử dụng các chất kích thích khác | 20đ/lần + HĐKL |
| 1. Đánh nhau, gây mất trật tự trong trường và nơi công cộng | 20đ/lần + HĐKL |
| 1. Chạy xe trong sân trường, đi xe trên 50cc khi chưa có Giấy phép lái xe | 15đ/lần |
| 1. Vi phạm luật giao thông đường bộ (có biên bản vi phạm và thông báo về trường) | 20đ/lần + HĐKL |
| 1. Sử dụng điện thoại, máy nghe nhạc và các thiết bị điện tử khác trong giờ học,… | 10đ/lần |
| 1. Không trung thực, có hành vi lừa dối cha mẹ, giáo viên và nhân viên nhà trường | Tối thiểu 20đ/ lần. Tùy theo mức độ nặng nhẹ có thể ra HĐKL |
| 1. Nói tục, chửi thề, đe dọa bạn bè, gây mất đoàn kết | 20đ/lần |
| 1. Đi vào khu vực không cho phép và ra cổng khi chưa có giấy từ P.GT | 5đ/lần |
| 1. Lên lớp học sau tiếng trống chuẩn bị vào tiết học | 3đ/lần |
| 1. Học sinh tự ý ở lại lớp khi lớp vắng giáo viên hoặc ở trong lớp khi không có tiết học | 5đ/lần |
| 1. Sử dụng nhà vệ sinh của giáo viên | 10đ/lần |
| 1. Không tập thể dục giữa giờ hoặc tập thể dục không nghiêm túc | 5đ/lần + LĐVS |

**Về đồng phục và tác phong:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Điểm trừ** |
| 1. Đồng phục không đúng quy định, áo ngoài quần, không phù hiệu,… | 5đ/lần |
| 1. Mang giày, cặp, … không đúng quy định. | 5đ/lần |
| 1. Học sinh để tóc dài, vuốt keo, chẻ ngôi giữa, móng tay quá dài, vòng đeo tay, không dây thắt lưng, … | 5đ/lần |
| 1. Nhuộm tóc, trang điểm, đeo nhiều bông tai, sơn móng tay, sơn móng chân … | 10đ/lần + LĐVS |

**Về vệ sinh và môi trường sư phạm:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Điểm trừ** |
| 1. Bỏ rác không đúng nơi quy định. Xả rác, làm mất vệ sinh. | 20đ/lần + LĐVS |
| 1. Ăn kẹo cao su trong trường, viết vẽ lên tường, bàn ghế, lối đi, làm bẩn tường, sàn nhà, … | 20đ/lần + LĐVS |
| 1. Đem, ăn, uống các loại nước có đường, có màu,...ở hành lang và trong phòng học. | 10đ/lần + LĐVS |
| 1. Lấy cắp hoặc phá hoại tài sản của nhà trường, của người khác.... | 20đ/lần + HĐKL |
| 1. Đá banh trong trường. | 10đ/ lần |
| 1. Làm hư hỏng tài sản nhà trường; hái hoa, lá, bẻ cây xanh. | 20đ/lần + đền bù |
| 1. Đùa giỡn trong nhà vệ sinh. | 10đ/lần |
| 1. Mua thức ăn từ bên ngoài đưa vào trường qua hàng rào, bờ tường. | 10đ/lần + LĐVS |
| 1. Không đi lao động vệ sinh theo yêu cầu từ phòng giám thị. | 10đ/lần +LĐVS (lần 2) |
| 1. Không làm vệ sinh theo phân công của nhà trường. | 10đ/lần +LĐVS |

* + 1. ***Điểm trừ lớp vi phạm:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Điểm trừ** |
| 1. Lớp bỏ nhiệm vụ trực tuần hay trực tuần không hoàn thành nhiệm vụ. | 20đ/lần |
| 1. Khi chuyển qua phòng học khác: làm mất trật tự, không khóa cửa phòng, không xếp hàng,.. | 10đ/lần |
| 1. Mất trật tự khi vắng giáo viên. | 10đ/lần |
| 1. Không tắt các thiết bị điện khi lớp không học. | 10đ/lần |
| 1. Lớp tập trung trễ giờ chào cờ hoặc các buổi làm lễ ở sân trường. | 10đ/lần |
| 1. Lớp làm mất Sổ đầu bài. | 3đ/lần  (TB tuần) |
| 1. Vệ sinh lớp dơ, hành lang lớp dơ. | 10đ/lần |
| 1. Mất trật tự trong giờ chào cờ, các buổi lễ, sinh hoạt tập thể, thể dục giữa giờ,… | 10đ/lần |
| 1. Xả rác xuống sân trường sau giờ chào cờ, các buổi lễ, sinh hoạt tập thể. | 10đ/lần |
| 1. Nộp sổ đầu bài trễ (sau 10 phút hết tiết học) hoặc không nộp sổ đầu bài. | 10đ/lần |
| 1. Không đổ rác, thùng rác đầy không đậy kín nắp được. | 20đ/lần |
| 1. Không điểm danh đầu giờ, không ghi ngày trên khung điểm danh, điểm danh sai. | 5đ/lần |
| 1. Trong phòng học, thùng rác của lớp có hộp thức ăn và ly nước uống (nước ngọt, trà sữa,…) | 10đ/lần |

**2.3. Lưu ý:**

- Các lỗi vi phạm được tính liên tục trong một học kỳ.

- Khi học sinh vi phạm đến lỗi thứ 5: GVCN tổ chức kiểm điểm học sinh trước lớp, thông báo tình hình tới cha mẹ học sinh (người đỡ đầu).

- Khi học sinh vi phạm đến lỗi thứ 7: GVCN xem xét đưa học sinh ra HĐKL. Nếu GVCN không đưa học sinh ra HĐKL thì Ban Quản lý học sinh sẽ đưa học sinh vi phạm ra HĐKL (nếu không nhận được giấy cam kết từ GVCN cho học sinh thêm cơ hội để sửa chữa, khắc phục lỗi vi phạm).

- Sau mỗi buổi học, phòng Giám thị sẽ kiểm tra lớp học việc thực hiện mục III.3 và III.4 trong “Quy định về thực hiện nội quy tiết dạy-học năm học 2020-2021”. Yêu cầu lớp cử 01 học sinh đại diện lớp ở lại ký xác nhận.

**III. XẾP LOẠI HẠNH KIỂM HỌC SINH** *(Thực hiện theo Thông Tư 58/2011/TT-BGDĐT)*

Điểm kỷ luật học sinh để xếp Hạnh kiểm cuối Học kỳ: *(điều kiện tham khảo của GVCN)*

* Hạnh kiểm Tốt: Từ 150 điểm HK1, 140 điểm HK2 trở lên và tham gia ít nhất 2 hoạt động Đoàn/HK, 2 hoạt động NGLL/HK.
* Hạnh kiểm Khá: Từ 130 điểm HK1, 120 điểm HK2 trở lên và tham gia ít nhất 2 hoạt động Đoàn/HK, 2 hoạt động NGLL/HK.
* Hạnh kiểm TB: Từ 80 điểm HK1, 70 điểm HK2 trở lên và tham gia ít nhất 2 hoạt động Đoàn/HK, 2 hoạt động NGLL/HK.
* Hạnh kiểm Yếu: Các trường hợp còn lại hoặc nhận quyết định của HĐKL.

**IV. XẾP LOẠI LỚP VỀ KỶ LUẬT CUỐI HỌC KỲ:**

- Lớp loại A: Trung bình Học kỳ từ 8,0 trở lên và không có HS bị đưa ra HĐKL.

- Lớp loại B: Trung bình Học kỳ từ 6,5 đến 7,9 và có 1 học sinh ra HĐKL.

- Lớp loại C: Nếu không xếp vào loại A hoặc B.

*(Nếu GVCN chủ động đưa học sinh vi phạm ra Hội đồng kỷ luật sẽ không tính vào việc xếp loại lớp cuối học kỳ và năm học)*.

|  |  |
| --- | --- |
| Nơi nhận**:**   * Ban Giám hiệu; * GVCN; * GVBM; * GV thỉnh giảng; * Phòng Giám thị; * Lưu VP. | **HIỆU TRƯỞNG**  **Thái Quang Cường** |